

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 14/4/2023

“V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm và ông Nguyễn Sơn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 556/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M., sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H., sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M. và chị Vũ Thị H. kết hôn với nhau vào năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/11/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại thôn V, xã T, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc được thời gian ngắn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng

không còn, tháng 12/2022 anh Nguyễn Văn M. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do năm 2011 chị H. tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa rồi ở lại không trở về nhà, anh đã nhiều lần tìm gặp khuyên nhủ nhưng chị H. cố tình không về, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H..

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/9/2000 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 05/5/2010. Quan điểm của anh M. đề nghị giao cháu Hải cho anh được nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị H. phải cấp dưỡng nuôi con, cháu H. đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai của cháu Nguyễn Văn V. có trong hồ sơ thể hiện cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng với bố Nguyễn Văn M. sau khi bố mẹ ly hôn.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M. không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Nguyễn Văn M. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Vũ Thị H. có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Vũ Thị H. và anh Nguyễn Văn M. kết hôn với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn V, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, từ năm 2011 chị H. đi làm ăn xa và không về nhà với anh M., chỉ thi thoảng về nhà ngoại tại thôn G, xã P, huyện S. Hiện vợ chồng đang sống ly thân.

Chị Vũ Thị H. không có mặt ở địa phương, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H. vẫn không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn M. và chị Vũ Thị H. kết hôn vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho anh Nguyễn Văn M. được ly hôn với chị Vũ Thị H.; về

con chung: Giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 05/5/2010 cho anh Nguyễn Văn M. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn M. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H. và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Vũ Thị H. nhiều lần nhưng chị H. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị H. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M. và chị Vũ Thị H. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/11/1997 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Tháng 12/2022 anh M. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Vũ Thị H..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Nguyễn Văn M. và chị Vũ Thị H. bình thường, có mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh Nguyễn Văn M. được ly hôn với chị Vũ Thị H..

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn M. và chị Vũ Thị H. có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/9/2000 và cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 05/5/2010.

Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Thu H đã trưởng thành và có gia đình riêng, cháu Nguyễn Văn V. là con chung của anh Nguyễn Văn M. và chị Vũ Thị H. nên anh chị

đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Quá trình giải quyết anh M. có quan điểm nhận nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hải, không yêu cầu chị H. cấp dưỡng, cháu V. có nguyện vọng được ở với bố, chị H. hiện không có mặt ở địa phương. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 05/5/2010 cho anh Nguyễn Văn M. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Vũ Thị H. không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh M. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2.3. Về tài sản, đất đai chung: Anh Nguyễn Văn M. không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn M. và chị Vũ Thị H. không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M. là hộ nghèo nên được miễn nộp khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn M. được ly hôn với chị Vũ Thị H..

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 05/5/2010 cho anh Nguyễn Văn M. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Vũ Thị H. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M. được miễn nộp khoản tiền án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến